

Ngày thi: 31/12/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	178214809	TRẦN QUANG	VINH	T17XDDB	9			7		4.5			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
2	178214810	NGÔ ĐÌNH QUỐC	HOÀNG	T17XDDB	9			8		8.5			9	8.8	Tám phẩy Tám		
3	178214811	HUỖNH MINH	TUẤN	T17XDDB	6			7		7			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
4	178214812	ĐÀO THÊ	TỈNH	T17XDDB	5			7		6			4.5	5.2	Năm phẩy Hai		
5	178214814	LÊ VĂN	THÀNH	T17XDDB	10			7		7			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
6	178214815	NGUYỄN BÁ	ÁNH	T17XDDB	5			5		3.5			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
7	178214817	VĂN PHÚ	LỘC	T17XDDB	10			7.5		9			7.5	8.1	Tám phẩy Một		
8	178214820	LÊ VĂN HOÀNG	THỤ	T17XDDB	9			7.5		4			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
9	178214821	PHẠM TRƯỜNG	KHIÊM	T17XDDB	8			7.5		4.5			4	5.2	Năm phẩy Hai		
10	178214822	NGUYỄN NGỌC	VĨ	T17XDDB	3			0		3			2.5	0.0	Không		
11	178214824	PHAN NHẬT	QUÝ	T17XDDB	7			7.5		6			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
12	178214825	NGUYỄN VĂN	HUY	T17XDDB	2			7		6			3	0.0	Không		
13	178214826	NGUYỄN ĐÌNH	CƯỜNG	T17XDDB	8			8		4			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
14	178214827	DƯƠNG ĐỨC	THÀNH	T17XDDB	6			6		6			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
15	178214829	LÊ GIA	NINH	T17XDDB	7			7.5		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín		
16	178214830	ĐÌNH CAO	CẢNH	T17XDDB	1			0		0			HP	0.0	Không		
17	178214831	PHẠM HOÀNG	LONG	T17XDDB	6			7.5		3			2.5	0.0	Không		
18	178214832	NGUYỄN HẢI	NAM	T17XDDB	10			7		3.5			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
19	178214833	LÊ HÙNG	CƯỜNG	T17XDDB	6			7		5			4.5	5.2	Năm phẩy Hai		
20	178214834	NGUYỄN VĂN	TIÊM	T17XDDB	9			7		3			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
21	178214835	NGUYỄN BÁ	DUY	T17XDDB	10			8		8			4	6.1	Sáu phẩy Một		
22	178214838	NGUYỄN DUY	HÙNG	T17XDDB	3			5		5.5			4.5	4.5	Bốn phẩy Năm		
23	178214840	LÊ PHÚ	LỘC	T17XDDB	10			8		7			4	6.0	Sáu		
24	178214843	ĐỖ HỮU	LINH	T17XDDB	7			0		6			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
25	178214844	VÕ HỮU	HÓA	T17XDDB	5			7.5		6			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
26	178214845	NGUYỄN	HOÀNG	T17XDDB	8			7.5		4.5			4	5.2	Năm phẩy Hai		
27	178214848	HUỖNH VĂN	HẢI	T17XDDB	1			6		4			4	3.9	Ba phẩy Chín		
28	178214849	TRỊNH DUY	LINH	T17XDDB	8			7.5		3			5	5.5	Năm phẩy Năm		
29	178214850	LÊ PHƯỚC	VIÊN	T17XDDB	6			0		3			2	0.0	Không		
30	178224871	PHẠM XUÂN	ĐẠT	T17XDDB	7			7		6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
31	178224876	TRẦN VĂN	HIẾU	T17XDDB	4			7		5.5			4	4.7	Bốn phẩy Bảy		
32	7028	LƯU QUANG	HUY	K16XCD3	6			4		3			5	4.7	Bốn phẩy Bảy	34399DT	
33	2103	HOÀNG NGỌC	THANH	K15XCD2	9			5		4.5			1.5	0.0	Không	34304DT	
34	2043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	7			6.5		8			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	41286DT	
35	2738	PHAN VĂN	DŨNG	T16XDDB	7			5		6			4	4.9	Bốn phẩy Chín	41489DT	
36	5200	PHẠM KHẮC	TRƯỜNG	K16XCD2	5			5		5.5			6.5	5.9	Năm phẩy Chín	34325DT	
37	4556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K14XDD2	3			0		4.5			6	4.4	Bốn phẩy Bốn	40789DT	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
38	5638	TRẦN THẾ HÙNG	K15XCD2	6			5		5			2.5	0.0	Không	39941DT	
39	7595	NGUYỄN NGỌC QUANG	K16XCD3	3			5		4.5			4.5	4.4	Bốn phẩy Bốn	36354DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	31	79%	
2	Số sinh viên nợ	8	21%	
TỔNG CỘNG :		39	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tân

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân